



zōng hé zhèng

综合症

noun · syndrome

Example Sentences

yī shēng zhěn duàn tā huàn le màn xìng pí láo zōng hé zhèng
医生 诊断他患了慢性疲劳综合症。

The doctor diagnosed him with chronic fatigue syndrome.

zhè zhǒng zōng hé zhèng de zhèng zhuàng bāo kuò tóu tòng hé shī mián
这种综合症的症状包括头痛和失眠。

The symptoms of this syndrome include headaches and insomnia.

Trace each character, then write the word on your own.

综	综	综	综	综	综	综	综	综	综	综
综	综	综								
合	合	合	合	合	合	合	合	合		
症	症	症	症	症	症	症	症	症	症	症
症	症									